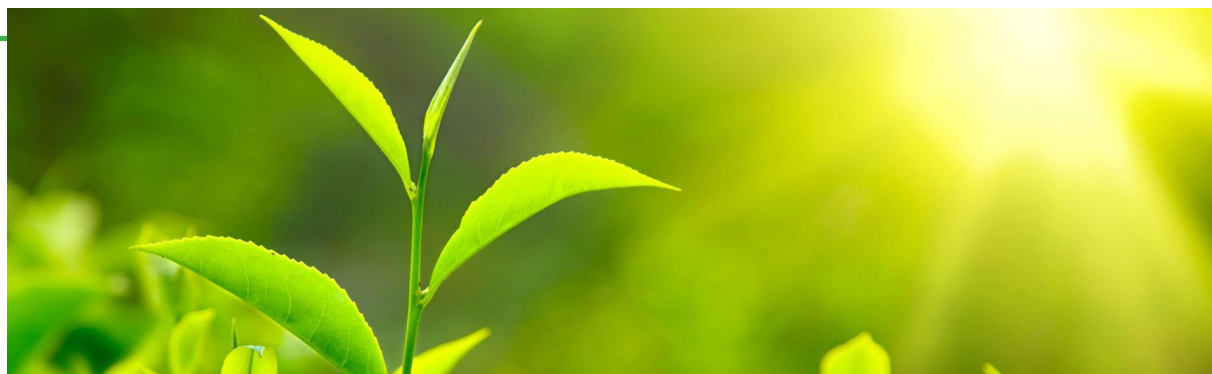


# THỊ TRƯỜNG CHÈ

- ▶ *Giá chè bình quân tại các phiên đấu giá của Ấn Độ tăng 31,07% so với cùng kỳ năm 2019.*
- ▶ *Trong 8 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu chè của Kê-ni-a giảm 4,2% so với cùng kỳ năm 2019.*
- ▶ *Thị phần chè của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ tăng mạnh.*
- ▶ *Ước tính, trong tháng 10/2020 xuất khẩu chè đạt 13 nghìn tấn, trị giá 22 triệu USD, giảm 8,3% về lượng và giảm 9,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.*



## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

**Ấn Độ:** Theo Hội đồng Chè Ấn Độ, trong 9 tháng đầu năm 2020, giá chè bình quân tại các phiên đấu giá của Ấn Độ tăng 31,07% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 185,76 Rupee/kg (tương đương 2,5 USD/kg). Lũ lụt ở Assam, Tây Bengal và Kerala đã làm gián đoạn nguồn cung chè từ các nhà máy đến chợ. Do dịch Covid-19, nhiều đồn điền ở phía Bắc Ấn Độ buộc phải đóng cửa cho tới tháng 2/2021, đây là thời điểm sản xuất nên sản xuất chè tại phía Bắc Ấn Độ bị ảnh hưởng.

Việc nói lỏng giãn cách xã hội ở nhiều quốc gia làm gia tăng các hoạt động thương mại và nhu cầu về chè tăng. Nguồn cung chè giảm và nhu cầu cao là nguyên nhân chính dẫn tới giá chè bình quân tại các phiên đấu giá tại Ấn Độ tăng mạnh.

**Kê-ni-a:** Theo Tổng cục chè Kê-ni-a, xuất khẩu chè của nước này trong 8 tháng đầu năm 2020 đạt 323 nghìn tấn, giảm 4,2% so với

cùng kỳ năm 2019. Xuất khẩu chè của Kê-ni-a sang hai thị trường chính là Pa-ki-xtan giảm 7% và Ai Cập giảm 14% so với cùng kỳ năm 2019. Xuất khẩu chè của Kê-ni-a sang thị trường Pa-ki-xtan chiếm tỷ trọng lớn nhất với 36% tổng lượng chè xuất khẩu. Xuất khẩu chè của Kê-ni-a giảm là do ảnh hưởng từ dịch Covid-19, khiến nhu cầu mua chè tại các thị trường bị chậm lại.

Khối lượng xuất khẩu chè giảm, nhưng sản lượng chè tại Kê-ni-a vẫn tăng mạnh, trong 8 tháng đầu năm 2020 sản lượng chè nước này đạt 375 nghìn tấn, tăng 33,5% so với cùng kỳ năm 2019.

Xuất khẩu chè giảm, nhưng sản lượng chè tăng mạnh là nguyên nhân chính dẫn tới giá chè giảm, làm giảm thu nhập và gây khó khăn cho người trồng chè tại thị trường Kê-ni-a.

## TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CHÈ CỦA VIỆT NAM

Theo ước tính, trong tháng 10/2020 xuất khẩu chè đạt 13 nghìn tấn, trị giá 22 triệu USD, giảm 8,3% về lượng và giảm 9,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019, giá chè xuất khẩu bình quân trong tháng 10/2020 ước đạt 1.692,3 USD/tấn, giảm 1,3% so với tháng 9/2019. Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng 10/2020 xuất khẩu chè ước đạt 111 nghìn tấn, trị giá 179 triệu USD, tăng 2,4% về lượng và giảm 5,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Giá chè xuất khẩu bình quân trong 10 tháng năm 2020 ước đạt 1.607,5 USD/tấn, giảm 7,6% so với cùng kỳ năm 2019.

Chè đen và chè xanh là hai chủng loại xuất khẩu chính trong cơ cấu mặt hàng chè trong 9 tháng đầu năm 2020. Trong đó, lượng chè đen xuất khẩu có tỷ trọng chiếm tới 40,6% tổng lượng chè, tăng 1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2019. Xuất khẩu chè đen đạt 39,8 nghìn tấn, trị giá đạt 53,7 triệu USD, tăng 6,5% về lượng và tăng 5,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Chè đen xuất khẩu tới một số thị trường chính trong 9 tháng đầu năm 2020 như: Nga, thị trường Đài Loan, In-đô-nê-xi-a, Pa-ki-xtan. Xuất khẩu chè đen

tới thị trường Nga chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 8,9 nghìn tấn, trị giá 13,5 triệu USD, tăng 12,3% về lượng và tăng 14% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Nga là đối tác chiến lược, là thị trường rộng lớn và rất tiềm năng. Vì vậy, doanh nghiệp xuất khẩu cần chú trọng trong việc mở rộng thị phần xuất khẩu chè đen tới thị trường Nga. Tuy nhiên, để đẩy mạnh xuất khẩu chè đen tới thị trường Nga các doanh nghiệp cần chú ý, trước tiên là yêu cầu tiêu chuẩn an toàn thực phẩm; tiếp theo mẫu mã, bao bì sản phẩm theo đúng quy cách nhập khẩu vào thị trường Nga.

Tỷ trọng xuất khẩu chè xanh của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2020 chiếm 38,8% tổng lượng chè, trong đó lượng chè xanh xuất khẩu tăng 2,1%, nhưng trị giá chè xanh xuất khẩu lại giảm 14,4%, do giá xuất khẩu chè xanh bình quân đạt 1.785,9 USD/tấn, giảm 16,2% so với cùng kỳ năm 2019. Chè xanh xuất khẩu nhiều nhất tới thị trường Pa-ki-xtan, chiếm 56,1% tổng lượng chè xanh xuất khẩu. Các thị trường lớn tiếp theo gồm: Đài Loan, Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a...

### Chủng loại chè xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm 2020

Chủng loại	9 tháng năm 2020			So với cùng kỳ năm 2019 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB	9 tháng năm 2020	9 tháng năm 2019
<b>Tổng</b>	<b>98.075</b>	<b>157.142</b>	<b>1.602,3</b>	<b>4,0</b>	<b>-4,8</b>	<b>-8,4</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Chè đen	39.790	53.676	1.349,0	6,5	5,2	-1,2	40,6	39,6
Chè xanh	38.018	67.895	1.785,9	2,1	-14,4	-16,2	38,8	39,5
Chè ướp hoa	1.269	2.376	1.872,9	-6,5	6,2	13,6	1,3	1,4
Chè ô long	174	423	2.426,3	-41,7	-60,4	-32,0	0,2	0,3
Loại khác	18.824	32.771	1.741,0	4,2	4,3	0,1	19,2	19,2

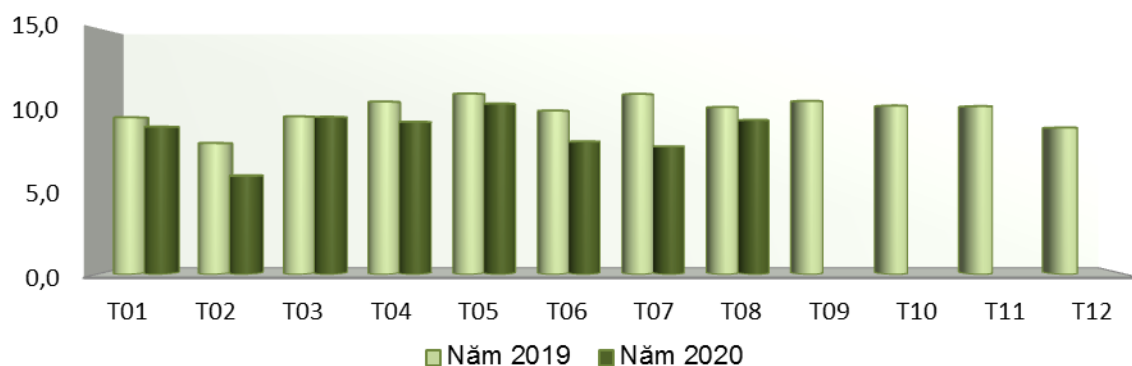
*Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan*

## DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CHÈ HOA KỲ VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, trong 8 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu chè của Hoa Kỳ đạt 69,7 nghìn tấn, trị giá 285,2 triệu USD, giảm 12,8% về lượng và giảm 9,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Giá nhập khẩu bình quân mặt hàng chè của Hoa Kỳ đạt 4.094,0 USD/tấn, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm 2019.

### Hoa Kỳ nhập khẩu chè qua các tháng giai đoạn năm 2019 - 2020

(ĐVT: Nghìn tấn)



Trong 8 tháng đầu năm 2020, Hoa Kỳ giảm mạnh nhập khẩu chè từ các thị trường cung cấp chính như: Ác-hen-ti-na và Trung Quốc. Tổng lượng chè nhập khẩu từ hai thị trường này chiếm 47,7% tổng lượng chè nhập khẩu, giảm 4,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2019.

Đáng chú ý, Việt Nam và Kê-ni-a là hai thị trường duy nhất trong số các thị trường

chính Hoa Kỳ tăng nhập khẩu chè cả về lượng và trị giá trong 8 tháng đầu năm 2020. Trong đó nhập khẩu từ Việt Nam đạt 3,7 nghìn tấn, trị giá 4,9 triệu USD, tăng 6,6% về lượng và tăng 9,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Nhập khẩu từ Kê-ni-a đạt 1,9 nghìn tấn, trị giá 4,9 triệu USD, tăng 17,2% về lượng và tăng 4,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

### Thị trường cung cấp chè cho Hoa Kỳ trong 8 tháng đầu năm 2020 (Mã HS 0902, 0903)

Thị trường	8 tháng năm 2020			So với 8 tháng năm 2019 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB	8 tháng năm 2020	8 tháng năm 2019
<b>Tổng</b>	<b>69.666</b>	<b>285.211</b>	<b>4.094,0</b>	<b>-12,8</b>	<b>-9,7</b>	<b>3,6</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Ác-hen-ti-na	25.462	34.785	1.366,1	-15,7	-16,1	-0,4	36,5	37,8
Trung Quốc	7.795	33.485	4.295,5	-30,5	-34,8	-6,3	11,2	14,0
Ấn Độ	7.616	28.874	3.791,1	3,9	-5,0	-8,6	10,9	9,2
Xri Lan-ca	4.525	26.173	5.784,5	-6,9	-14,4	-8,1	6,5	6,1
Việt Nam	3.676	4.859	1.322,0	6,6	9,2	2,4	5,3	4,3
Ma-la-uy	3.058	6.981	2.282,8	-36,7	-43,7	-11,1	4,4	6,0
In-đô-nê-xi-a	2.545	5.322	2.091,0	-27,1	-34,3	-9,9	3,7	4,4
Kê-ni-a	1.937	4.938	2.549,0	17,2	4,1	-11,2	2,8	2,1

Thị trường	8 tháng năm 2020			So với 8 tháng năm 2019 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB	8 tháng năm 2020	8 tháng năm 2019
Ca-na-đa	1.669	24.588	14.728,7	6,5	12,8	5,9	2,4	2,0
Đim-ba-bu-ê	1.524	2.409	1.580,9	-3,0	-13,7	-11,0	2,2	2,0
Thị trường khác	9.858	112.798	11.442,3	1,5	4,7	3,1	14,2	12,2

Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ

Chè đen và chè xanh là hai chủng loại chè chính Hoa Kỳ nhập khẩu trong 8 tháng đầu năm 2020. Trong đó, lượng nhập khẩu chè đen chiếm tỷ trọng cao đạt 58,3 nghìn tấn, trị giá 179 triệu USD, giảm 12,7% về lượng và giảm 11,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Ác-hen-ti-na là thị trường cung cấp chè đen lớn nhất cho Hoa Kỳ, tuy nhiên lượng và trị giá nhập khẩu từ Ác-hen-ti-na giảm mạnh trong 8 tháng đầu năm 2020.

Nhập khẩu chè xanh của Hoa Kỳ đạt 10,5 nghìn tấn, trị giá 102,9 triệu USD, giảm 10,6% về lượng và giảm 5,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc là thị trường cung cấp chính chè xanh cho Hoa Kỳ trong 8 tháng đầu năm 2020, tuy nhiên lượng và trị giá đều giảm mạnh. Việt Nam là thị trường cung cấp chè xanh lớn thứ 5 cho Hoa Kỳ, lượng và trị giá nhập khẩu chè xanh từ Việt Nam tăng mạnh.

### Thị trường cung cấp chè đen và chè xanh cho Hoa Kỳ 8 tháng đầu năm 2020

(Ghi chú: Mã HS: 090210, 090220, 090230, 090240)

Thị trường	8 tháng năm 2020			So với 8 tháng năm 2019 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB	8 tháng năm 2020	8 tháng năm 2019
<b>Chè đen</b>	<b>58.297</b>	<b>179.003</b>	<b>3.070,5</b>	<b>-12,7</b>	<b>-11,1</b>	<b>1,8</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Ác-hen-ti-na	24.427	32.089	1.313,7	-16,3	-16,8	-0,6	41,9	43,7
Ấn Độ	7.313	26.546	3.630,0	7,3	-2,8	-9,4	12,5	10,2
Xri Lan-ca	4.224	22.294	5.277,7	-5,4	-13,8	-8,9	7,2	6,7
Trung Quốc	3.563	11.881	3.334,3	-42,7	-42,9	-0,4	6,1	9,3
Việt Nam	3.076	3.897	1.266,8	2,4	4,1	1,7	5,3	4,5
Thị trường khác	15.694	82.295	5.243,9	-8,2	-3,4	5,3	26,9	25,6
<b>Chè xanh</b>	<b>10.498</b>	<b>102.911</b>	<b>9.803,1</b>	<b>-10,6</b>	<b>-5,8</b>	<b>5,3</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Trung Quốc	4.232	21.601	5.104,6	-15,2	-29,3	-16,6	40,3	42,5
Nhật Bản	1.213	46.251	38.134,5	3,5	12,7	8,9	11,6	10,0
In-đô-nê-xi-a	935	2.455	2.624,7	-22,1	-34,4	-15,7	8,9	10,2
Đài Loan	723	4.149	5.741,3	-0,2	-19,0	-18,9	6,9	6,2
Việt Nam	600	963	1.605,3	34,4	35,6	0,9	5,7	3,8
Thị trường khác	2.796	27.492	9.833,5	-12,8	-2,1	12,3	26,6	27,3

Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ

(Ghi chú: Mã HS: 090210, 090220, 090230, 090240)